

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 08/5/2019

V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông **Vũ Ngọc Lâm**.

2/ Ông **Hà Quang Thịnh**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông **Hoàng Đức Hợp** - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2019 về việc kiện "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị L** (tên gọi khác: Lưu Thị T), sinh năm 1987.

- Bị đơn: Anh **Lý Văn Đ**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2019, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lưu Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Lý Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 16/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bàn bạc được với

nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh Đ thường xuyên uống rượu không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Từ cuối năm 2018 anh chị sống ly thân đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Lý Thị S, sinh ngày 19/11/2007 và cháu Lý Văn Đ, sinh ngày 31/3/2010. Sau ly hôn chị nhất trí để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Đ không có tài sản chung, không có vay nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, về con chung và các nội dung khác như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2019 và biên bản hòa giải bị đơn anh Lý Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lưu Thị L kết hôn với nhau vào ngày 16/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng có một vài lần đánh cãi, chửi nhau, chị L bỏ đi làm ăn tại Trung Quốc thi thoảng mới về nên vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2018 vợ chồng sống ly thân đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng nhưng anh Đ mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi con.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Lý Thị S, sinh ngày 19/11/2007 và cháu Lý Văn Đ, sinh ngày 31/3/2010. Sau ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị L không có tài sản chung, không có vay nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2019, Trưởng thôn K, xã H cho biết như sau:

Chị L và anh Đ kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chị L và anh Đ chung sống hạnh

phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do tính cách, suy nghĩ không hợp nhau, anh Đ có uống rượu nên vợ chồng có vài lần đánh cãi chửi nhau nhưng thôn chưa tiến hành giải quyết lần nào vì chị L và anh Đ không báo thôn giải quyết. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã căng thẳng, trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện tốt, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L, đề nghị xử cho chị Lưu Thị L ly hôn với anh Lý Văn Đ. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Đ: Giao cháu Lý Thị S, sinh ngày 19/11/2007 và cháu Lý Văn Đ, sinh ngày 31/3/2010 cho anh Lý Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lưu Thị L và anh Lý Văn Đ kết hôn với nhau ngày 16/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng của anh chị chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bàn bạc được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh Đ thường xuyên uống rượu không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi, chửi nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ gì với nhau nữa. Tuy anh Đ không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị Lưu Thị L được ly hôn anh Lý Văn Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là Lý Thị S, sinh ngày 19/11/2007 và Lý Văn Đ, sinh ngày 31/3/2010. Chị L và anh Đ tự nguyện thỏa thuận, sau ly hôn anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Lưu Thị L và anh Lý Văn Đ không có không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị L (tên gọi khác: Lưu Thị T) ly hôn anh Lý Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lý Thị S, sinh ngày 19/11/2007 và cháu Lý Văn Đ, sinh ngày 31/3/2010 cho anh Lý Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0002009 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lý Văn Đ không phải chịu án phí.

Chị Lưu Thị L và anh Lý Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Yên;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tùng